

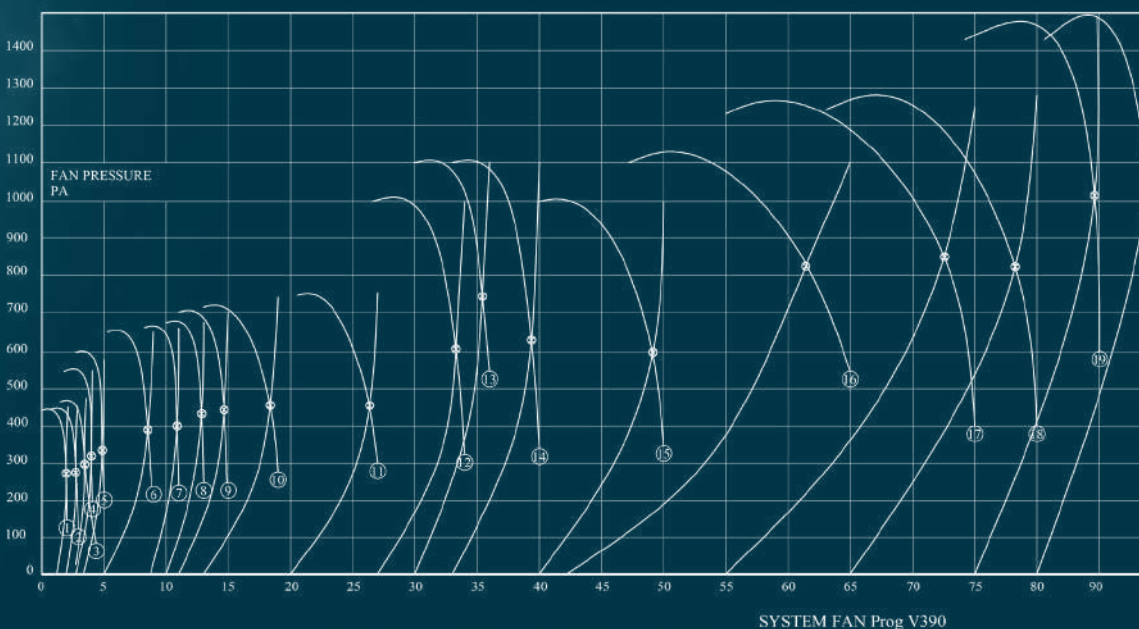
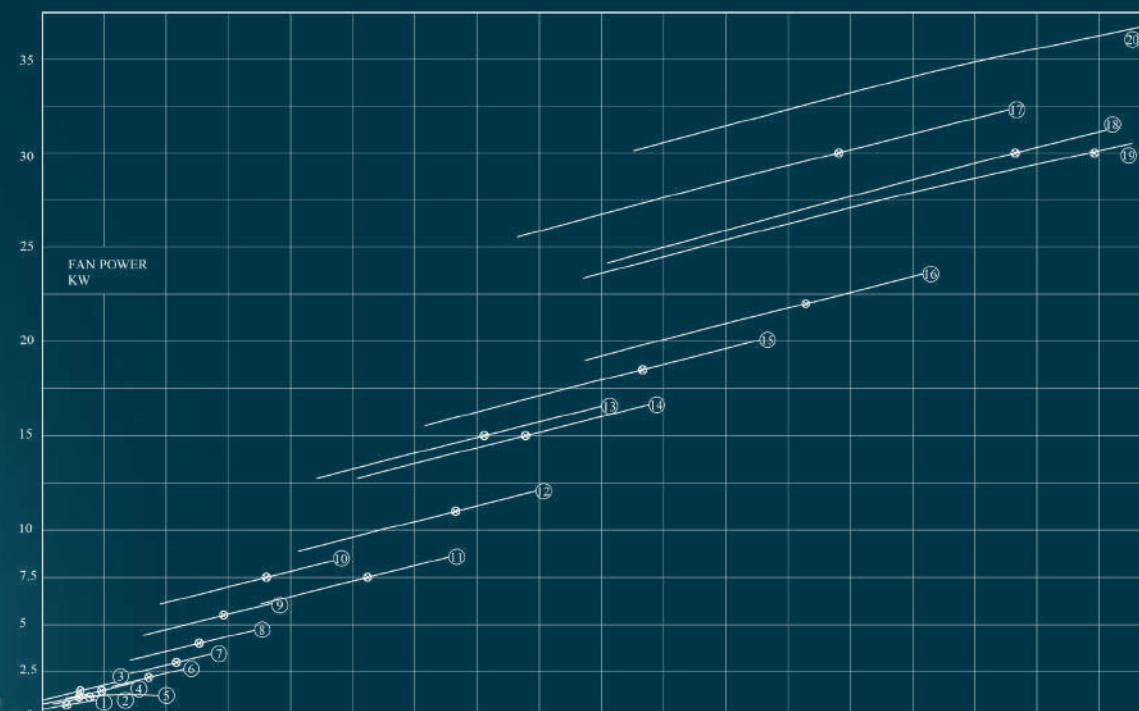


SỬ DỤNG

Cấp khí tăng áp buồng thang khi xảy ra hỏa hoạn, hút khói, cấp khí tươi qua hệ thống ống gió...

ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM

- ✦ CánҺ quạt được truyền động trực tiếp.
- ✦ Quạt có thể lắp các loại động cơ thông thường hoặc động cơ chống cháy, chịu nhiệt từ 200°C đến 400°C trong 2h của POWER, ENERTECH, TOÀN PHÁT, ABB, SIMENS,...
- ✦ Vật liệu chế tạo: thép, Inox.



Volume Flow M3/h x 1000

* Liên hệ tới System Fan để nhận đường đặc tính cụ thể cho từng mã quạt System Fan.

BẢNG ĐỘ ỒN

MODEL SCD-LBNo	2,8	3,2	3,8	4	5		5,5	6,3	7	8		10	11		12	12,5	12,9
	0,55	0,75	1,5	1,5	2,2	3	4	5,5	7,5	11	15	15	18,5	22	30	30	37
Inlet SPL dBA (Near Field)	71	71	74	74	77	80	80	82	86	85	88	89	90	91	91	93	92
Outlet SPL dBA (Near Field)	72	72	75	75	76	79	79	84	86	86	89	90	92	92	93	95	93
Cassing SPL dBA (3m)	60	60	63	68	72	75	75	76	79	80	82	84	85	86	88	89	89

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

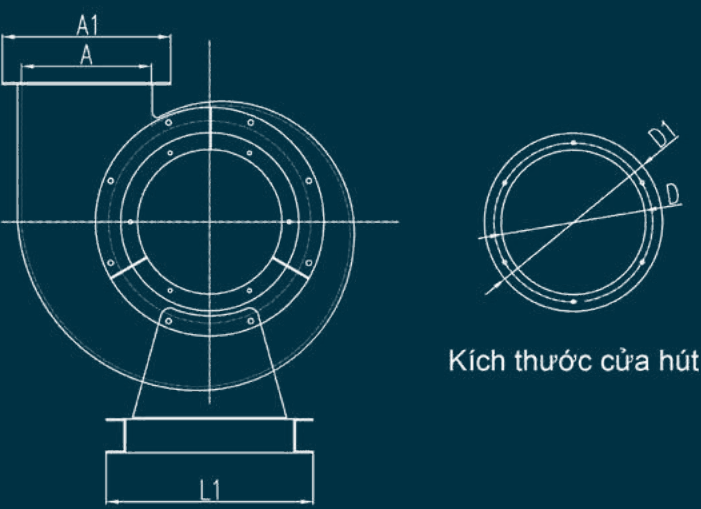
STT	MODEL	Công suất	Tốc độ	Điện áp	Lưu lượng	Áp suất	Trọng lượng
		(kW)	(v/ph)	(V)	(m³/h)	(Pa)	(Kg)
1	SCD-LB2,8	0,55	4P	380	900-1500	150-350	31
2	SCD-LB3,2	0,75	4P	380	1500-2200	150-450	48
3	SCD-LB3,8	1,5	4P	380	2200-3200	200-550	64
4	SCD-LB4	1,5	4P	380	3300-5000	220-600	79
5	SCD-LB5	2,2	4P	380	5000-9000	230-650	107
		3	4P	380	8000-12000	250-660	116
6	SCD-LB5,5	4	4P	380	12000-15000	250-600	131
7	SCD-LB6,3	5,5	4P	380	15000-22000	250-700	197
8	SCD-LB7	7,5	4P	380	22000-27000	300-750	296
9	SCD-LB8	11	4P	380	27000-40000	320-1000	393
10	SCD-LB10	15	4P	380	38000-50000	330-1100	486
11	SCD-LB11	18,5	4P	380	50000-65000	550-1100	543
12	SCD-LB12	30	6P	380	62000-75000	400-1250	602
13	SCD-LB12,5	30	6P	380	65000-85000	400-1250	784
14	SCD-LB12,9	37	6P	380	80000-105000	600-1450	892

KÍCH THƯỚC

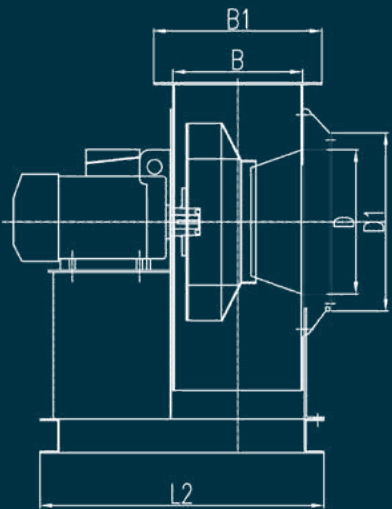
*Bản vẽ có thể đã được cải tiến, Liên hệ System Fan để lấy bản vẽ và kích thước chính xác nhất

Model	A	A1	B	B1	D	D1	L1	L2
2,8	190	250	190	250	180	240	350	460
3,2	220	300	220	300	300	370	400	520
3,8	260	340	240	320	300	370	400	540
4	270	350	270	350	300	370	420	570
5	320	400	320	400	350	420	500	700
	320	400	320	400	350	420	500	700
5,5	350	430	320	400	400	470	500	600
6,3	440	540	440	540	450	520	600	830
7	485	585	463	560	500	570	730	870
8	600	700	500	600	800	890	700	1010
10	800	900	600	700	900	995	920	1100
11	800	900	600	700	1000	1100	920	1150
12	950	1050	800	900	1000	1100	1020	1370
12,5	950	1050	800	900	1000	1100	1020	1415
12,9	1050	1170	893	1013	1100	1200	1200	1540

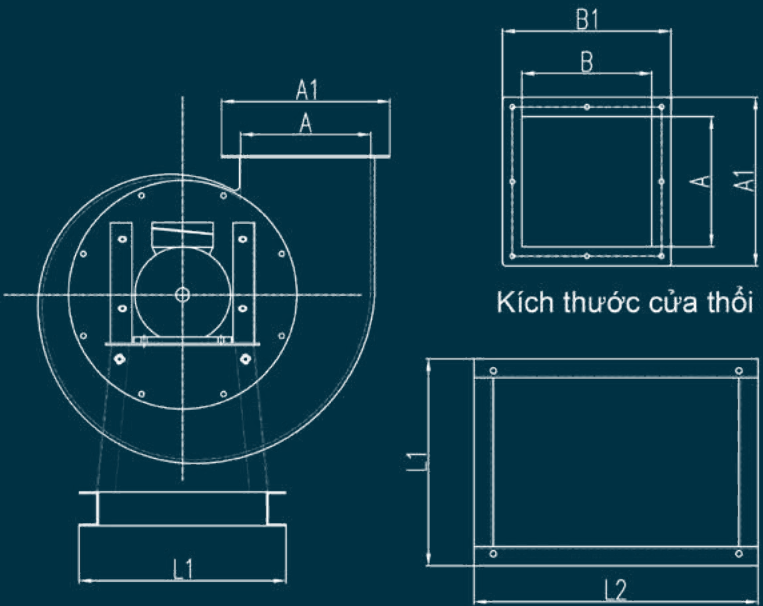
BẢN VẼ KỸ THUẬT



Kích thước cửa hút



L2



Kích thước cửa thổi

CHIỀU QUAY HƯỚNG GIÓ

